

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

(Áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân trừ chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025**[02]** Lần đầu: ☒**[03]** Bổ sung lần thứ:...**I. PHẦN NGƯỜI NỘP THUẾ TỰ KHAI****1. Người nộp thuế:****[04]** Họ và tên: **Trần Văn A****[05]** Ngày/tháng/năm sinh: 1950**[06]** Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

[07] Số CMND/Hộ chiếu/CCCD (trường hợp cá nhân chưa có MST): 036050xxxxx**[08]** Ngày cấp: 06/7/2021 **[09]** Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC và TTXH**[10]** Địa chỉ cư trú:**[10.1]** Số nhà: **[10.2]** Đường/phố:**[10.3]** Tổ/thôn: **[10.4]** Phường/xã/thị trấn: Phú Lâm**[10.5]** Quận/huyện: **[10.6]** Tỉnh/Thành phố: tỉnh Đồng Nai**[11]** Địa chỉ nhận thông báo thuế: xã Tân Phú, tỉnh Đồng Nai**[12]** Điện thoại: 0837xxxxxx**2. Đại lý thuế (nếu có):****[13]** Tên đại lý thuế:.....**[14]** Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

[15] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:**3. Thừa đất chịu thuế:****[16]** Thông tin người sử dụng đất:**[17]** Địa chỉ thửa đất:**[17.1]** Số nhà: **[17.2]** Đường/ phố:**[17.3]** Tổ/thôn: **[17.4]** Phường/xã/thị trấn: Tân Phú**[17.5]** Quận/huyện: **[17.6]** Tỉnh/Thành phố: Đồng Nai**[18]** Là thửa đất duy nhất: ☐**[19]** Đăng ký kê khai tổng hợp tại (Quận/Huyện):**[20]** Đã có giấy chứng nhận: ☐**[20.1]** Số giấy chứng nhận: AA 01751596 **[20.2]** Ngày cấp: 07/5/2025**[20.3]** Thửa đất số: 132 **[20.4]** Tờ bản đồ số: 29**[20.5]** Diện tích: 557,8 m² **[20.6]** Loại đất/ Mục đích sử dụng: ONT**[21]** Tổng diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp: 557,8 m²**[21.1]** Diện tích đất sử dụng đúng mục đích: m²**[21.2]** Diện tích đất sử dụng sai mục đích/chưa sử dụng theo đúng quy định:**[21.3]** Hạn mức (nếu có): m²**[21.4]** Diện tích đất lấn, chiếm:**[22]** Chưa có giấy chứng nhận: ☐**[22.1]** Diện tích: **[22.2]** Loại đất/ Mục đích đang sử dụng: **[23]** Thời

điểm bắt đầu sử dụng đất:

[24] Thời điểm thay đổi thông tin của thửa đất:**4. Đối với đất ở nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư [25]:****[25.1]** Loại nhà: **[25.2]** Diện tích: **[25.3]** Hệ số phân bổ:**5. Trường hợp miễn, giảm thuế [26] (ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm):**

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

Tân Phú, ngày 20 tháng 10 năm 2025

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ****Trần Văn A**

II. PHẦN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN CHỨC NĂNG (Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam)

1. Người nộp thuế

[27] Họ và tên: **Trần Văn A**

[28] Ngày/ tháng/ năm sinh: 1950

[29] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[30] Số CMND/Hộ chiếu/CCCD: 0360xxxxxxx

[31] Ngày cấp: 06/07/2021 . [32] Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC và TTXH

2. Thửa đất chịu thuế

[33] Địa chỉ:

[33.1] Số nhà: [33.2] Đường/phố:

[33.3] Tổ/thôn: [33.4] Phường/xã/thị trấn: xã Phú Lâm

[33.5] Quận/huyện: [33.6] Tỉnh/Thành phố: Đồng Nai

[34] Đã có giấy chứng nhận: ☐

[34.1] Số giấy chứng nhận: AA 01751596 [34.2] Ngày cấp: 07/5/2025

[34.3] Thửa đất số: 132 [34.4] Tờ bản đồ số: 29

[34.5] Diện tích đất phi nông nghiệp ghi trên GCN: 557,8 m²

[34.6] Diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp: m²

[34.7] Loại đất/ Mục đích sử dụng: ONT

[34.8] Hạn mức (Hạn mức tại thời điểm cấp GCN): m²

[35] Chưa có giấy chứng nhận: ☐

[35.1] Diện tích: [35.2] Loại đất/ Mục đích đang sử dụng:

[36] Thời điểm bắt đầu sử dụng đất:

[37] Thời điểm thay đổi thông tin của thửa đất:

3. Trường hợp miễn, giảm thuế [38] (ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách ...):

4. Căn cứ tính thuế

[39] Diện tích đất thực tế sử dụng: 557,8 m² [40] Hạn mức tính thuế: m²

[41] Thông tin xác định giá đất:

[41.1] Loại đất/ mục đích sử dụng: ONT [41.2] Tên đường/vùng:

[41.3] Đoạn đường/khu vực:

[41.4] Loại đường: Đường nhựa

[41.5] Vị trí/hạng: [41.6] Giá đất: đồng [41.7] Hệ số (đường/hẻm...): 1.0

[41.8] Giá 1 m² đất (Giá đất theo mục đích sử dụng): đồng

5. Diện tích đất tính thuế

5.1. Đất ở (Tính cho đất ở, bao gồm cả trường hợp sử dụng đất ở để kinh doanh)

Tính trên diện tích có quyền sử dụng

[42] Diện tích trong hạn mức (thuế suất: 0,03%) 165.9 m ²	[43] Diện tích vượt không quá 3 lần hạn mức (thuế suất: 0,07%)	[44] Diện tích vượt trên 3 lần hạn mức (thuế suất 0,15%)
--	--	--

5.2. Đất ở nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư (tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng):

[45] Diện tích: [46] Hệ số phân bổ:

5.3. Diện tích đất sản xuất kinh doanh – Tính trên diện tích sử dụng đúng mục đích:

[47] Diện tích:[48] Hệ số phân bổ:

5.4. Đất sử dụng không đúng mục đích hoặc chưa sử dụng theo đúng quy định:

[49] Diện tích: [50] Mục đích thực tế đang sử dụng:

[51] Hệ số phân bổ (đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư):

5.5. Đất lấn chiếm:

[52] Diện tích: [53] Mục đích thực tế đang sử dụng:

[54] Hệ số phân bổ (đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư):

Tân Phú, ngày tháng..... năm 2025

CÁN BỘ ĐỊA CHÍNH XÃ/PHƯỜNG

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Tân Phú, ngày..... tháng..... năm 2025

CHỦ TỊCH UBND XÃ/PHƯỜNG

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)